

## MỤC LỤC

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	5
1. Tên chủ cơ sở: .....	5
2. Tên cơ sở: .....	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở: .....	6
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: .....	6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở: .....	7
3.3. Sản phẩm của cơ sở: áo, quần các loại .....	8
4. Nguyên, phụ liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở: .....	8
4.1. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng: .....	8
4.2. Nhu cầu sử dụng nước: .....	10
4.3. Nguồn cung cấp điện của Công ty : .....	11
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở: .....	11
5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở: .....	11
5.2. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở: .....	12
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	13
1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	13
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	14
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	15
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải: .....	15
1.1. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: .....	15
1.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải: .....	15
1.3. Xử lý nước thải: .....	17
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải: .....	22
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường: .....	26
3.1. Công tác phân loại, thu gom .....	26
3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường: .....	27
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: .....	28
4.1. Công tác phân loại, thu gom, lưu giữ: .....	28
4.2. Biện pháp xử lý CTNH: .....	29
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: .....	29
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: .....	30
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: .....	35

CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....	37
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: .....	37
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: .....	37
2.1. Nguồn phát sinh khí thải.....	37
2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa: .....	37
2.3. Dòng khí thải .....	37
2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: .....	37
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	39
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải. ....	39
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải. ....	41
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo:.....	43
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	44
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải .....	44
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật .....	44
3. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:.....	45
4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	45
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....	46
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....	47
PHỤ LỤC .....	48

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BOD <sub>5</sub>	Nhu cầu ô xy sinh hóa
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CHXHCN	Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa
CP	Chính Phủ
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
ĐVT	Đơn vị tính
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
KCS	Kiểm tra chất lượng sản phẩm
NĐ	Nghị định
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QLMT	Quản lý môi trường
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TT	Thông tư
CCN	Cụm công nghiệp
UBND	Ủy ban nhân dân
XLNT	Xử lý nước thải

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Tổng hợp nhu cầu nguyên, phụ liệu, hóa chất sử dụng.....	8
Bảng 2: Thông kê lượng nước sử dụng của Công ty .....	10
Bảng 3: Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở. ....	11
Bảng 4: Danh mục, máy móc thiết bị chín của cơ sở .....	12
Bảng 5: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m <sup>3</sup> /ngày.đêm .....	19
Bảng 6: Máy móc, thiết bị sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải.....	19
Bảng 7: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất. ....	28
Bảng 8: Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường .....	35
Bảng 9: Giới hạn thông số đề nghị cấp phép đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi .....	38
Bảng 10: Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ.....	39
Bảng 11: Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải định kỳ.....	41
Bảng 12: Kinh phí thực hiện bảo vệ môi trường hằng năm.....	45

## DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Quy trình công nghệ sản xuất.....	7
Sơ đồ 2: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn .....	15
Sơ đồ 3: Sơ đồ thu gom nước thải. ....	16
Sơ đồ 4: Quy trình xử lý nước thải tại bể tự hoại .....	18
Sơ đồ 5: Quy trình công nghệ xử lý nước thải.....	20
Sơ đồ 6: Biện pháp quản lý chất thải rắn của Công ty.....	26

## CHƯƠNG I

### THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

#### 1. Tên chủ cơ sở:

- Chủ cơ sở: Công ty TNHH DongYang ST Vina
- Địa chỉ: Lô M12, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Jae Heon; Chức danh: Giám đốc.
- Điện thoại: 02283676934;
- Mã số thuế: 0600387334
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên 0600387334 đăng ký lần đầu ngày 05/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/2/2018 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Mã số dự án 1058362600 chứng nhận lần đầu ngày 05/6/2007; chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 04/7/2016 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định cấp.

#### 2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: Công ty TNHH DongYang ST Vina
- Địa điểm cơ sở: Lô M12, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường:
  - + Giấy phép xây dựng số 02/2011/GPXD ngày 06/4/2011 của Ban quản lý các khu công nghiệp cấp cho Công ty TNHH DongYang ST Vina.
  - + Giấy phép xây dựng số 02/2012/GPXD ngày 12/01/2012 của Ban quản lý các khu công nghiệp cấp cho Công ty TNHH DongYang ST Vina.
  - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK920972.
  - + Quyết định số 2294/QĐ-STNMT ngày 17/11/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường Nam Định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết “ Nhà máy sản xuất chỉ khâu DongYang ST Vina” của Công ty TNHH DongYang ST Vina;
  - + Giấy xác nhận hoàn thành số 907/XN-STNMT của Sở Tài nguyên và Môi trường Nam Định về việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH DongYang ST Vina tại KCN Hòa Xá, tỉnh Nam Định;
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 1058362600, tổng vốn đầu tư của dự án là 53.297.000.000 đồng - dự án có quy mô tương đương nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Thông tin chung về cơ sở:

Công ty TNHH DongYang ST Vina có địa chỉ hoạt động tại Lô M12, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Công ty được Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận đầu tư mã số 1058362600 lần đầu ngày 05/6/2007, thay đổi lần thứ tư ngày 04/7/2016 với quy mô sản xuất chỉ khâu thành phẩm phục vụ ngành may mặc với công suất 2,2 triệu cuộn/năm.

Công ty TNHH DongYang ST Vina đã lập báo cáo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy sản xuất chỉ khâu DongYang ST Vina và đã được Sở Tài nguyên và môi trường Nam Định phê duyệt tại Quyết định số 2294/QĐ-STNMT ngày 17/11/2014. Phạm vi quy mô của dự án được triển khai với diện tích 15.000m<sup>2</sup> tại lô M12, đường N4, khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định. Cơ sở hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chỉ may với công suất tối đa 2.200.000 cuộn chỉ/năm.

Hiện tại cơ sở đang hoạt động ổn định công suất là 2.200.000 cuộn chỉ/năm với số lượng cán bộ công nhân viên là 100 người.

Căn cứ Khoản 2 Điều 39, Khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường 2020 thì cơ sở thuộc đối tượng lập giấy phép môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, UBND tỉnh cấp phép.

Do cơ sở đã đi vào hoạt động nên báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH DongYang ST Vina được thực hiện theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:**

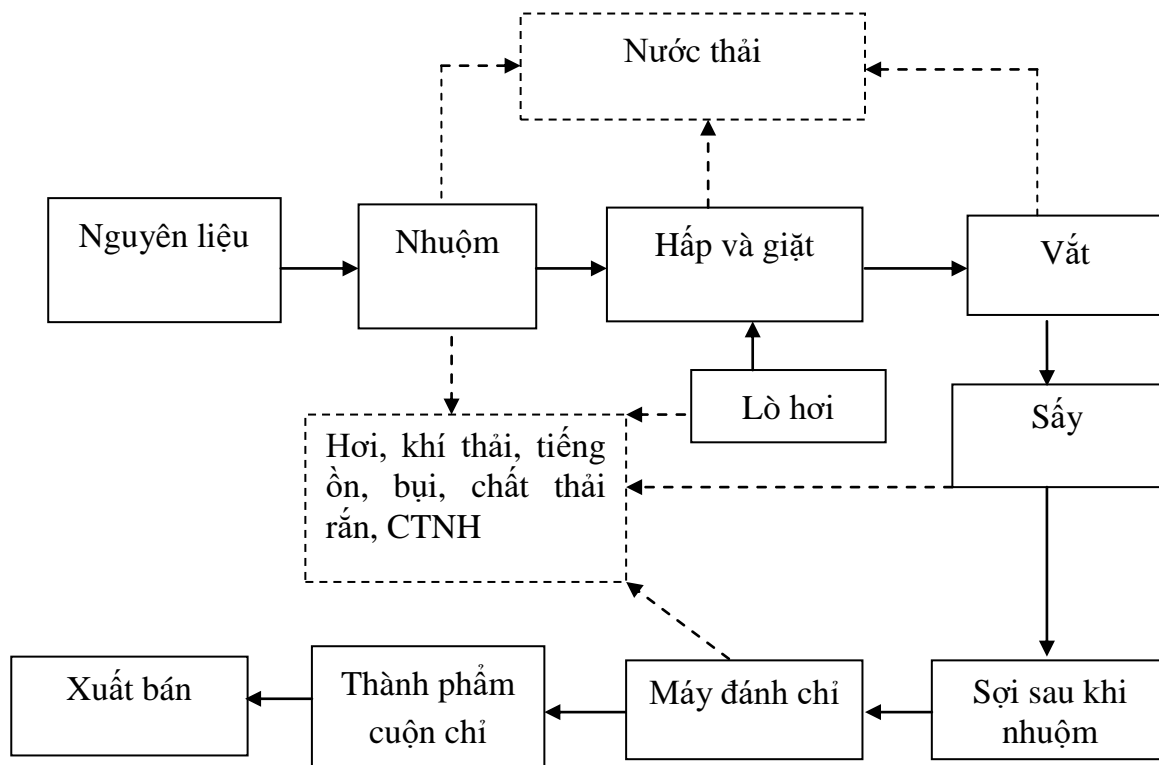
#### **3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:**

- Công ty hoạt động về lĩnh vực sản xuất chỉ may với công suất 2.200.000 cuộn chỉ/năm.

- Hiện tại sản lượng của Công ty đã đạt công suất thiết kế là 2.200.000 cuộn chỉ/năm; số lượng cán bộ công nhân viên 100 người.

### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Sơ đồ 1: Quy trình công nghệ sản xuất



**Ghi chú:**

Đường công nghệ \_\_\_\_\_

Đường chất thải - - - - -

**\* Thuyết minh quy trình.**

- Nguyên liệu: là các sợi polyester dạng thô được nhập khẩu chưa qua xử lý ở dạng cuộn to, tùy theo nhu cầu sản xuất mà đường kính sợi khác nhau. Sợi sau đó được tời ra thành các bó nhỏ để dễ dàng nhuộm và được chuyển sang các máy nhuộm.

- Công đoạn nhuộm: quá trình nhuộm sợi chỉ sử dụng 37 máy nhuộm các loại. Đây là quy trình quan trọng nhất quyết định đến màu sắc của sợi chỉ, đặc biệt là các bước pha trộn tỷ lệ màu và nguyên liệu. Thuốc nhuộm màu được hòa trộn với một ít chất xúc tác, đồng thời bổ sung thêm axit acetic. Sau đó hòa tan hỗn hợp trên ở nhiệt độ 40°C và tiếp tục tăng dần nhiệt độ lên 135°C và giữ nguyên trạng thái này trong vòng 25 phút. Sau đó giảm nhiệt độ xuống còn 90°C thì kết thúc giai đoạn nhuộm và chuyển sang các giai đoạn xử lý sợi.

- Hấp và giặt: sau quá trình nhuộm, sợi sẽ được xử lý bằng hỗn hợp hóa chất Hydro sulfide và dung dịch NaOH ở nhiệt độ 80°C và được giặt làm mềm bằng hóa chất soft - active preparation ở nhiệt độ 40°C. Sợi chỉ sau khi được xử lý sẽ được chuyển đến công đoạn hấp bằng hơi nước từ lò hơi cung cấp.

- Vắt: sợi tiếp tục được chuyển đến quá trình vắt để loại bỏ nước trong sợi. Tại quá trình này sẽ tạo ra nước thải. Nước thải tại đây sẽ được thu gom cùng với nước thải của quá trình nhuộm theo đường riêng và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Sấy: quá trình sấy sợi được thực hiện trong khoảng 2h ở nhiệt độ khoảng 120°C để sợi chỉ khô hoàn toàn. Lúc này ta được sợi chỉ sau nhuộm.

- Máy đánh chỉ: Sợi sau nhuộm tiếp tục được đưa qua máy đánh chỉ. Tại đây các máy đánh chỉ có nhiệm vụ tách và quấn các sợi chỉ vào các cuộn để tạo thành phẩm là các cuộn chỉ. Máy đánh chỉ có nhiều loại khác nhau tương ứng với các màu chỉ khác nhau để tạo ra cuộn chỉ thành phẩm có màu sắc khác nhau.

- Cuộn chỉ thành phẩm được đưa vào kho chứa trước khi xuất bán.

### 3.3. Sản phẩm của cơ sở: cuộn chỉ các loại

## 4. Nguyên, phụ liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

### 4.1. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng:

Bảng 1: Tổng hợp nhu cầu nguyên, phụ liệu, hóa chất sử dụng.

STT	Nguyên, nhiên liệu, hóa chất	Đơn vị	Lượng sử dụng (/tháng)
<b>I</b>	<b>Nguyên liệu</b>		
1	Sợi chỉ	kg	25.000
2	Ống nhỏ	chiếc	52.000
3	Ống chỉ	chiếc	200.000
4	Ống loe	chiếc	9.500
5	Hộp các loại	chiếc	2.700
6	Túi bóng các loại	kg	2.300
7	Màng co các loại	kg	1.300
8	Băng dính các loại	kg	700
9	Dây đai	kg	30
10	Tem dán đầu cuộn	cuộn	36.000
11	Tem vuông	chiếc	550.000
12	Băng mực in	chiếc	20
<b>II</b>	<b>Nhiên liệu sử dụng</b>		
1	Điện	kW	50.000
2	Than	tấn	80



3	Nước	m <sup>3</sup>	250-300
4	Dầu làm mềm chỉ: 100000CS	kg	265
5	Dầu làm mềm chỉ: 1000CS	kg	180
<b>III</b>	<b>Hóa chất, phụ gia sử dụng cho sản xuất</b>		
1	Thuốc nhuộm dòng Lumacron các màu	kg	1.600
2	Thuốc nhuộm dòng Dorolan các màu	kg	900
3	Suncid Black LDC	kg	50
4	Papilion Yellow F-8GFF	kg	100
5	Papilion Red RBT	kg	75
6	NaOH	kg	70
7	CH <sub>3</sub> COOH (axit)	kg	50
8	Declean RC (chất khử)	kg	300
9	Disper VG (điều màu)	kg	1.000
10	Minoponao	kg	240
11	Na <sub>2</sub> S <sub>2</sub> O <sub>4</sub> (natri hydrosunfit)	kg	75
12	Sáp nền	kg	600
<b>IV</b>	<b>Hóa chất, phụ gia sử dụng cho xử lý nước thải</b>		
1	Trợ lắng A101	kg	30
2	PAC	kg	1.500
3	Khử màu DC 500	kg	500
4	NaOH	kg	1.500
5	FeSO <sub>4</sub>	kg	4.500
6	H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	lít	30
7	Ca(OCl) <sub>2</sub>	kg	10
8	DAP	kg	100

9	Vi sinh	lít	30
---	---------	-----	----

#### 4.2. Nhu cầu sử dụng nước:

- Nguồn cấp nước: Cơ sở sử dụng nguồn nước sạch của Công ty Cổ phần cấp nước Nam Định. Lượng nước này được sử dụng vào các mục đích:

+ Nước sử dụng cho sinh hoạt: bao gồm nước cho hoạt động nhà ăn, hoạt động rửa tay chân của CBCNV.

+ Nước sử dụng cho sản xuất: cấp cho các hoạt động nhuộm, giặt, nồi hơi và cho quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị nhuộm.

+ Nước cấp cho hệ thống phun nước dập bụi xử lý khí thải lò hơi.

+ Nước sử dụng cho hoạt động tưới cây, rửa đường, pccc...

- Khối lượng nước sử dụng:

Căn cứ theo hoá đơn sử dụng nước sạch từ tháng 01/2023 đến tháng 04/2024, lượng nước sử dụng tại cơ sở được thống kê như sau:

*Bảng 2: Thống kê lượng nước sử dụng của Công ty*

Tháng	Lượng nước sử dụng cho sinh hoạt (m <sup>3</sup> /tháng)	Lượng nước sử dụng cho sản xuất (m <sup>3</sup> /tháng)
Tháng 02/2023	74	3805
Tháng 03/2023	82	5260
Tháng 04/2023	85	4637
Tháng 05/2023	83	4532
Tháng 06/2023	95	6968
Tháng 7/2023	90	6361
Tháng 8/2023	115	6204
Tháng 9/2023	96	5631
Tháng 10/2023	68	4518
Tháng 11/2023	92	5348
Tháng 12/2023	82	6213
Tháng 01/2024	71	4758

Tháng	Lượng nước sử dụng cho sinh hoạt (m <sup>3</sup> /tháng)	Lượng nước sử dụng cho sản xuất (m <sup>3</sup> /tháng)
Tháng 02/2024	68	3226
Tháng 03/2024	77	3542
Tháng 04/2024	73	3112

(Nguồn: Công ty TNHH DongYang ST Vina)

Theo hóa đơn sử dụng nước sạch thì khối lượng nước sử dụng lớn nhất của cơ sở là vào tháng 6/2023 với tổng lượng nước sử dụng cho cả sinh hoạt và sản xuất là  $6.968 + 95 = 7.063$  m<sup>3</sup>/tháng (271 m<sup>3</sup>/ngày).

#### 4.3. Nguồn cung cấp điện của Công ty :

Nguồn điện cung cấp cho hoạt động của cơ sở được cấp bởi nguồn điện lưới của KCN Hòa Xá.

#### 5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.

##### 5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở.

Mặt bằng nhà máy đã được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định phê duyệt năm 2012. Các hạng mục công trình được thể hiện chi tiết tại bảng sau:

Bảng 3: Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở.

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Số tầng
<b>I</b>	<b>Các hạng mục công trình chính</b>			
1	Xưởng sản xuất chỉ may CN số 1	01	2.607,5	1
2	Xưởng sản xuất chỉ may CN số 2	01	3.136	1
<b>II</b>	<b>Các hạng mục công trình phụ trợ</b>			
1	Nhà văn phòng	01	300	1
2	Nhà nồi hơi	01	140	1
3	Nhà để xe công nhân	01	90	1
4	Nhà bảo vệ	01	11,2	1
5	Bể nước	01	64	-
6	Nhà vệ sinh	01	56	1
7	Trạm biến áp 560kVA-22/0,4kV	01	26,4	-

<b>III</b>	<b>Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường</b>			
1	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	01 HT		-
2	Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt	01 HT		-
3	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	02	4	-
4	Trạm xử lý nước thải công suất 300 m <sup>3</sup> /ngày.đêm	01	237,8	-
5	Cây xanh	01 HT	2.691	-
6	Kho chứa CTR thông thường	01	28	1
7	Kho chứa CTNH	01	32	1

(Nguồn: Công ty TNHH DongYang ST Vina)

## 5.2. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

Các trang thiết bị máy móc của Công ty được nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan và được bảo dưỡng thường xuyên nên hiện tại vẫn hoạt động tốt.

Tình trạng trang thiết bị: 80% ÷ 90%.

*Bảng 4: Danh mục, máy móc thiết bị chính của cơ sở*

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Số lượng (chiếc)</b>
1	Máy cuộn chỉ nilon các loại	8
2	Máy cuộn chỉ polyste các loại	20
3	Máy làm mềm sợi chỉ	1
4	Máy cuộn chỉ thí nghiệm	1
5	Máy cuộn chỉ màu	1
6	Máy nhuộm đỏ 24 Dealim DSL	1
7	Máy nén khí	1
8	Máy nhuộm thí nghiệm nhỏ	1
9	Máy sấy khô	2
10	Máy vắt ly tâm	2
11	Máy nhuộm các loại	17
12	Máy làm khô	1
13	Máy đánh ống chỉ các loại	31
14	Máy đánh chỉ mới	60
15	Máy đánh xóp sợi	2
16	Máy nẹp dây	1
17	Lò hơi	2

(Nguồn: Công ty TNHH DongYang ST Vina)

## CHƯƠNG II

### SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

#### 1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở sản xuất phù hợp với các quy hoạch phát triển của tỉnh Nam Định và của địa phương bao gồm:

- Quyết định 274/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 18/02/2020 về việc Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì mục tiêu quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:

+ Về mục tiêu tổng quát và tầm nhìn: Phải xác định được các mục tiêu cơ bản, có tính chất chủ đạo, xuyên suốt nhằm sử dụng hợp lý tài nguyên, kiểm soát nguồn ô nhiễm, quản lý chất thải, quản lý chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, hình thành các điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, ít chất thải, cacbon thấp và phát triển bền vững đất nước.

+ Về mục tiêu cụ thể: định lượng được các mục tiêu cụ thể về xác lập vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải; thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu quản lý chất thải rắn, nguy hại tập trung; thiết lập mạng lưới quan trắc và cảnh báo về chất lượng môi trường trên phạm vi cả nước cho giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn 2050.

- Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 02/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng năm 2030.

- Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 10/6/2008 của UBND tỉnh Nam Định về Quy hoạch chi tiết của KCN Hòa Xá.

- Quyết định số 1241/QĐ-BTNMT ngày 12/6/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Xá”

- Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh Nam Định về phê duyệt quy hoạch phân khu (điều chỉnh quy hoạch chi tiết) Khu công nghiệp Hòa Xá, tỉnh Nam Định, tỷ lệ 1/2000.

- Giấy xác nhận số 71/GXN-TCMT ngày 24/6/2015 của Tổng cục Môi trường về việc hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ

tầng Khu công nghiệp Hòa Xá” tại đường Phạm Ngũ Lão, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Công ty TNHH DongYang ST Vina được Ban quản lý các Khu công nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Mã số dự án 1058362600 chứng nhận lần đầu ngày 05/6/2007; chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 04/7/2016 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định cấp với mục tiêu là sản xuất chỉ khâu thành phẩm phục vụ ngành may mặc. Loại hình sản xuất của công ty hoàn toàn phù hợp với quy hoạch chung của KCN.

Vị trí hoạt động của Công ty thực hiện tại lô Lô M12, khu công nghiệp Hòa Xá, xã Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định rất thuận lợi giao thông trong việc vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm.

## **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

- Đối với nước thải: Công ty đã đầu tư hệ thống thu gom nước thải hoàn chỉnh và trạm xử lý nước thải tập trung. Nước thải phát sinh tại công ty được thu gom xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B). Công ty đã hợp đồng với Công ty phát triển và khai thác hạ tầng khu công nghiệp tỉnh Nam Định (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng và Tư vấn đầu tư khu công nghiệp tỉnh Nam Định - Ban quản lý KCN tỉnh Nam Định) để sử dụng dịch vụ xử lý nước thải tại KCN Hòa Xá theo hợp đồng số: 01/HDDV-XLNT ngày 06/05/2013 nhằm xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, trước khi thải ra môi trường ngoài.

Do nước thải sau xử lý của cơ sở được thải ra cống thoát nước thải của KCN Hòa Xá nên theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở không thuộc đối tượng phải đánh giá sức chịu tải.

- Đối với hơi khí thải từ quá trình sản xuất: Công ty đã có hệ thống xử lý bụi và khí thải phát sinh tại lò hơi đốt than để giảm bụi, khí thải trước khi thải ra môi trường. Bụi, khí thải phát sinh tại lò hơi được xử lý giảm thiểu đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT (B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ.

- Đối với chất thải rắn: Bao gồm rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp, rác thải nguy hại được thu gom phân loại. Công ty đã bố trí thùng chứa, kho lưu chứa chất thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

Như vậy với các biện pháp giảm thiểu công ty đang thực hiện đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường khu vực xung quanh của công ty và phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

### CHƯƠNG III

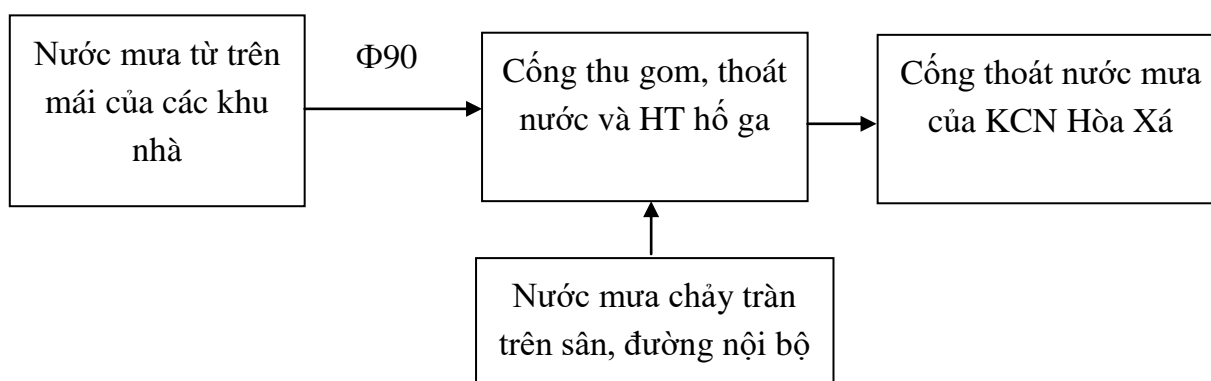
## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

#### 1.1. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa:

Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải, đảm bảo không xảy ra tình trạng ngập úng và ô nhiễm.

*Sơ đồ 2: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn*



Nước mưa từ trên mái nhà của các khu nhà được thu gom qua các phễu thu vào các ống nhựa  $\Phi 90$  sau đó cùng với nước mưa chảy tràn trên bề mặt chảy xuống cống thoát nước mưa của công ty B300-400 và lắng cặn qua các hố ga trước khi chảy vào cống thu gom nước mưa của KCN Hòa Xá tại 02 cửa xả nằm trên đường N4.

Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước mưa:

- Đường cống B300-400 dài khoảng 1.200m, vữa mác xi măng rộng 15cm – 40cm, sâu 25cm-50cm, có nắp đậy bằng bê tông
- Hố ga lắng cặn: kích thước 80cm x 80cm x 1m, có 16 hố ga.
- Số lượng cửa xả: 02
- Vị trí cửa xả: phía đường N4 khu công nghiệp Hòa Xá.

#### 1.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải:

##### 1.2.1. Nguồn phát sinh nước thải

\* Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Căn cứ theo khối lượng nước cấp cho sinh hoạt qua hóa đơn nước sạch của Công ty, tháng sử dụng nhiều nhất là  $115\text{m}^3$ , khối lượng nước thải phát sinh

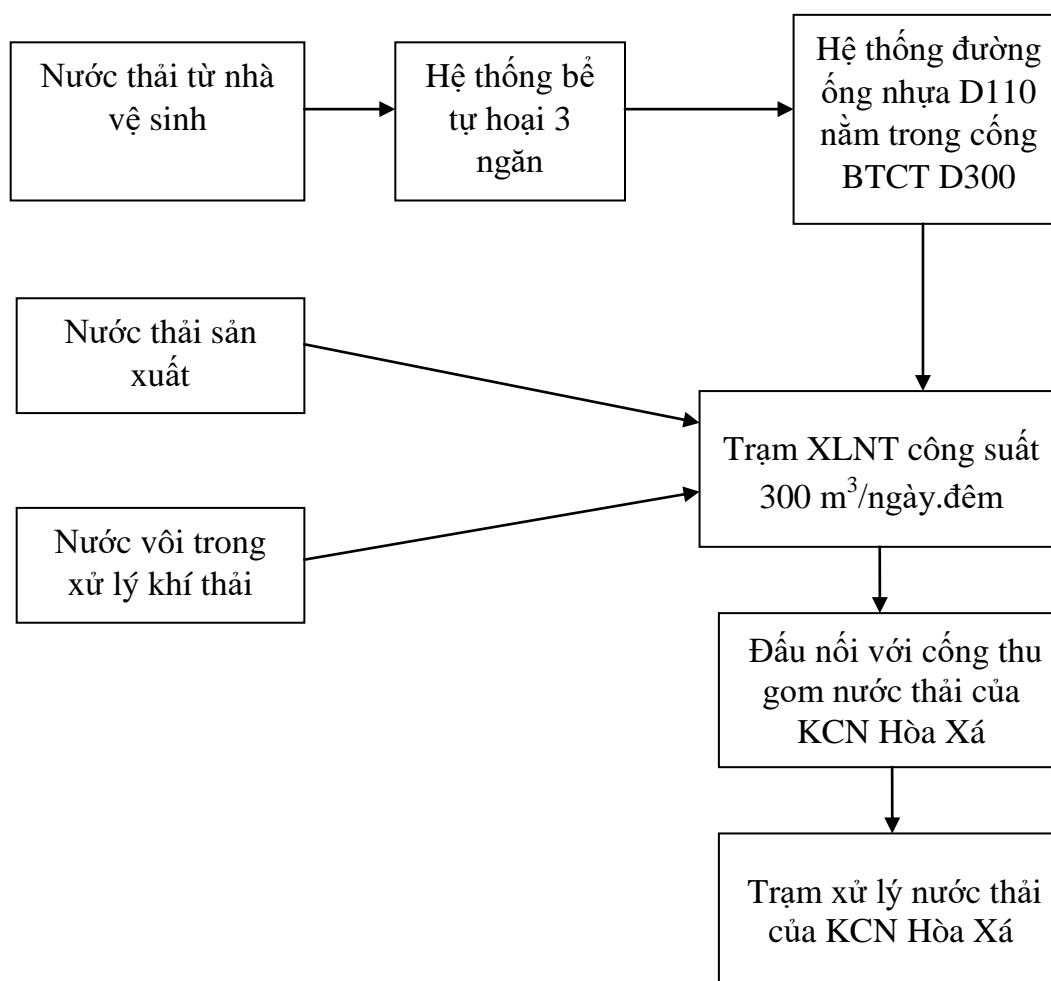
bằng 100% trong ngày lớn nhất là:  $115:26 = 4,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . Thành phần: BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, tổng N, coliform ...

+ Nước thải sản xuất: phát sinh từ quá trình nhuộm, hấp, giặt và vắt khô, toàn bộ lượng nước thải này sẽ được hệ thống đường ống riêng dẫn về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở. Căn cứ khối lượng nước cấp cho sản xuất qua hóa đơn nước sạch của công ty, tháng sử dụng nhiều nhất là  $6869\text{m}^3$ , khối lượng nước thải sản xuất bằng 80% lượng nước cấp, vậy nước thải sản xuất phát sinh trong ngày lớn nhất là:  $6869 \times 80\% : 26 = 211 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . Thành phần: BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, độ màu, tổng P ...

+ Hoạt động của lò hơi: Trong quá trình sản xuất, công ty sử dụng nước sạch cho hoạt động của nồi hơi, nước được đun nóng thành hơi nước để cấp nhiệt cho hoạt động hấp. Hệ thống xử lý bụi lò hơi là dùng nước vôi trong hấp thụ khí thải, nước vôi trong được cấp bổ sung, phần chảy tràn theo ống dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý, khoảng  $1\text{m}^3/\text{ngày}$ .

### 1.2.2. Công trình thu gom nước thải:

Sơ đồ 3: Sơ đồ thu gom nước thải.





*Thuyết minh:*

- Nước thải từ nhà vệ sinh: được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D110 xuống bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 10m<sup>3</sup>). Nước thải sau khi xử lý trong bể tự hoại sẽ cùng nước rửa tay chân, nước thoát sàn từ các nhà vệ sinh chảy theo đường ống PVC Φ110 ra hố ga ngoài nhà, nước thải từ đây theo đường ống nhựa PVC Φ110 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày đêm của công ty để xử lý.

- Nước thải sản xuất: phát sinh từ xưởng sản xuất được thu gom theo đường ống PVC D110 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày đêm của công ty để xử lý.

- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi được thu gom theo đường ống PVC D110 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày đêm của công ty để xử lý.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) theo đường cống Φ120 chảy ra cống thu gom nước thải của KCN Bảo Minh trên đường N4 qua 1 cửa xả.

- Thông số kỹ thuật:

+ Đường ống thu gom D110 dài tổng cộng 800m

+ Đường ống thoát nước thải là ống nhựa PVC Φ120 từ hố ga cuối cùng xả vào cống thu gom nước thải của KCN Hòa Xá dài khoảng 10 m.

*(Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của công ty được thể hiện cụ thể trong phần phụ lục).*

**1.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý:**

- Nguồn tiếp nhận: cống thu gom nước thải của KCN Hòa Xá.

- Vị trí xả nước thải sau xử lý:

+ Nước thải sau xử lý được xả qua 01 cửa xả trên đường N4.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: X (m): 2259560 Y(m): 556780

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiều 3<sup>0</sup>)

- Phương thức xả thải: tự chảy

- Chế độ xả thải: 24h/ngày.đêm

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

Sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải được đóng kèm phụ lục II của báo cáo.

Vị trí xả nước thải đã đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đối với điểm xả nước thải như:

+ Việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

+ Việc thiết kế và xây dựng các điểm xả phải bảo đảm chống xâm nhập ngược từ nguồn tiếp nhận và ảnh hưởng của ngập úng.

**1.3. Xử lý nước thải:**

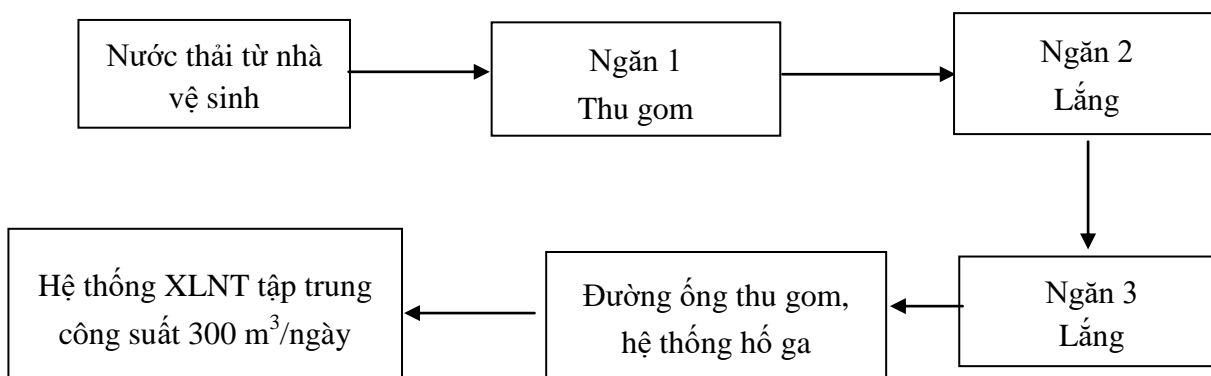
**1.3.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải của cơ sở**

*Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt khu nhà vệ sinh:* Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường, chức năng của từng hạng mục công trình xử lý cụ thể như sau:

Công ty xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh, có thể tích  $20\text{m}^3$ .

Quy trình xử lý nước thải trong bể tự hoại như sau:

Sơ đồ 4: Quy trình xử lý nước thải tại bể tự hoại



Mô tả:

Nước thải từ nhà vệ sinh theo đường ống PVC $\Phi$ 110 về bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại là công trình làm đồng thời 2 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Các tạp chất hữu cơ, vô cơ, cặn dễ lắng khi theo dòng nước thải chảy vào bể tự hoại sẽ được lắng xuống đáy khi qua ngăn điều hòa, lắng 1, sau đó nước thải tiếp tục chảy tràn qua ngăn lắng 2. Dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí các chất thải trong nước thải sẽ bị phân hủy, một phần tạo các chất khí và một phần tạo các chất vô cơ hòa tan, bùn lắng xuống đáy ngăn. Nước thải phân hủy ở ngăn 2 sẽ chảy tràn sang ngăn 3. Tại ngăn lắng 3, các chất hữu cơ tiếp tục được lắng xuống đáy ngăn, nước thải sau đó được đầu nối vào đường ống nhựa D110 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của công ty công suất  $300\text{m}^3/\text{ngày}$  để tiếp tục xử lý trước khi chảy ra công thu gom nước thải của KCN Hòa Xá.

- Ưu điểm của bể tự hoại 3 ngăn:

- + Không tiêu tốn năng lượng trong quá trình vận hành.
- + Công nghệ đơn giản.
- + Xây dựng đơn giản, giá thành xây dựng thấp, dễ sử dụng.
- + Có khả năng vận hành gián đoạn trong thời gian dài nhưng vẫn giữ được hoạt tính của bùn cặn sinh ra, tính ổn định cao.

**1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $300\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ :**

\* Thời điểm nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng: 11/2011

\* Chức năng: thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi thải vào cống thu gom nước thải của KCN Hòa Xá.

\* Quy mô, công suất hệ thống xử lý nước thải.

- Quy mô kích thước và thể tích các bể của hệ thống xử lý nước thải như sau:

*Bảng 5: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm*

TT	Tên hạng mục	Số ngăn	Kích thước DxRxH (m)	Thể tích chứa (m <sup>3</sup> )	Chức năng
1	Bể điều hòa	01	8 x 4 x 2	64	Điều hòa lưu lượng, nồng độ các chất ô nhiễm
2	Bể xử lý hóa lý 1	04	1,2 x 1,2 x 1	5,76	Trung hòa pH tạo phản ứng kết tủa
3	Bể lắng đứng 1	01	Ø5 x (1,7 + 0,2) x 1	35	Tách bùn ra khỏi nước thải
4	Bể xử lý hiếu khí	06	5,2 x 4 x 2,5	312	Xử lý các chất ô nhiễm có trong nước thải
5	Bể lắng đứng 2	01	Ø5 x (1,7 + 0,2) x 1	27	Tách bùn ra khỏi nước thải
6	Bể xử lý hóa lý 2	04	1,2 x 1,2 x 1	5,76	Trung hòa pH tạo phản ứng kết tủa
7	Bể lắng đứng 3	01	Ø5 x (1,7 + 0,2) x 1	15	Tách bùn ra khỏi nước thải
8	Bể chứa bùn	01	5 x 4 x 2	40	Lưu chứa bùn

*(Nguồn: Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải)*

- Máy móc thiết bị sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải:

*Bảng 6: Máy móc, thiết bị sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải*

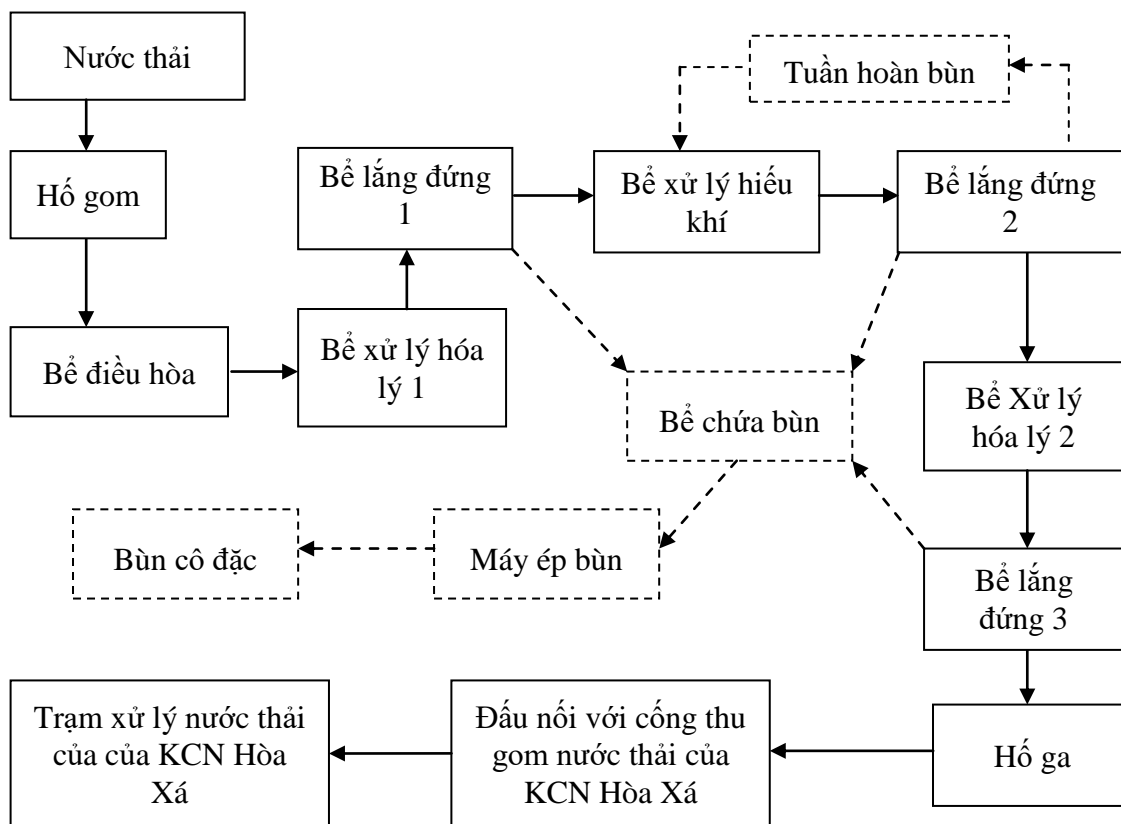
TT	Tên thiết bị máy móc	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ
1	Tủ điện điều khiển	bộ	1	Việt Nam, Trung Quốc...
2	Van điều khiển	cái	12	
3	Bơm nước thải -Công suất: 5 kW -Lưu lượng: 30 m <sup>3</sup> /giờ -Điện áp:380V/3pha/50Hz	bộ	2	

4	Máy thổi khí -Công suất: 5,5kW -Điện áp:380V/3pha/50Hz -Lưu lượng khí: 4,08 m <sup>3</sup> /phút -Áp lực: P=4000mm Aq	bộ	2	
5	Đĩa thổi khí -Lưu lượng: Q= 0-12 m <sup>3</sup> /giờ -Đường kính: D170mm -Chủng loại: Diffuser dạng bọt	cái	50	
6	Bơm định lượng hóa chất	cái	8	
7	Máy khuấy chìm	cái	2	
	Công suất: 2,23kW Điện áp:380V/3pha/50Hz			
8	Bơm bùn	cái	5	
	Công suất: 1,1kW			
	Điện áp:380V/3pha/50Hz			
9	Máy ép bùn	cái	1	

- Công suất hệ thống xử lý nước thải: 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

\* Quy trình công nghệ vận hành của hệ thống xử lý nước thải

**Sơ đồ 5: Quy trình công nghệ xử lý nước thải**



**Ghi chú:**

Đường nước thải: —————>

Đường bùn thải: - - - - ->

**Thuyết minh:**

- Nước thải nhà vệ sinh sau khi đã xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ theo hệ thống đường ống dẫn cùng với nước thải thoát sàn nhà vệ sinh chảy về hố gom. Nước thải sản xuất, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi theo đường ống riêng dẫn về hố gom. Nước từ hố ga chảy sang bể điều hòa

- Bể điều hòa có tác dụng điều hòa lưu lượng và đảm bảo nồng độ chất thải có trong chất thải luôn ổn định hoặc dao động ở mức độ chấp nhận khi đi vào hệ thống xử lý, bảo đảm hiệu quả cho các quy trình xử lý sinh học về sau. Nó chứa nước thải và các chất cần xử lý ở các giờ cao điểm, phân phối lại trong các giờ không hoặc ít sử dụng để cung cấp ở một lưu lượng nhất định 24/24h cho các hệ thống sinh học phía sau. Nhờ đó làm giảm kích thước và tạo chế độ làm việc liên tục ổn định cho các công trình xử lý tiếp theo, tránh hiện tượng quá tải, nhằm hạn chế việc gây sốc tải trọng cho vi sinh vật cũng như giữ cho hiệu quả xử lý nước thải được ổn định, các bể sinh học phía sau hoạt động hiệu quả. Đồng thời máy thổi khí cấp khí vào bể điều hòa nhằm xáo trộn ổn định nồng độ chất thải trong nước và làm giảm 1 phần nhiệt độ nước thải. Nước từ bể điều hòa bơm lên bể xử lý hóa lý 1.

- Bể xử lý hóa lý 1 có hệ thống tiền xử lý (hồ phản ứng trung hòa độ pH) có tác dụng trung hòa độ kiềm và độ axit trong nước thải về trạng thái trung hòa để tạo phản ứng kết tủa được triệt để. Nước thải sau khi qua các phản ứng được đưa sang bể lắng đứng 1.

- Bể lắng đứng 1 có tác dụng lắng các cặn kết tủa sau phản ứng tại bể xử lý hóa lý 1. Bùn phát sinh được đưa về bể chứa bùn. Nước thải được đưa sang bể xử lý hiếu khí.

- Bể xử lý hiếu khí có thời gian lưu thiết kế là 12h có chức năng: xử lý phần lớn các chất ô nhiễm trong nước thải. Trong bể có hệ thống cung cấp khí tạo môi trường hiếu khí cho vi sinh vật hiếu khí hoạt động. Không khí được cung cấp dưới dạng các bọt khí kích thước nhỏ để nâng cao hiệu quả cấp oxi vào nước. Vi sinh vật hiếu khí trong bể sẽ chuyển hóa các chất hữu cơ gây ô nhiễm thành các chất vô cơ không gây ô nhiễm và sinh khối của vi sinh vật. Nước thải sau đó được đưa sang bể lắng đứng 2.

- Bể lắng đứng 2 có tác dụng lắng bùn, khối lượng bùn phát sinh tại bể một phần được tuần hoàn lại bể xử lý hiếu khí để nuôi dưỡng vi sinh vật hiếu khí, một phần được đưa về bể chứa bùn. Nước thải sau đó được dẫn sang bể xử lý hóa lý 2.

- Bể xử lý hóa lý 2 trung hòa pH và tạo các phản ứng kết tủa lần nữa. Sau đó nước thải được chuyển sang bể lắng đứng 3.

- Bể lắng đứng 3 có tác dụng lắng các cặn kết tủa sau phản ứng tại bể xử lý hóa lý 2. Bùn phát sinh được đưa về bể chứa bùn. Nước thải được dẫn vào cống thoát nước thải của KCN Hòa Xá.

- Bể chứa bùn: Bùn thải từ các bể lắng của hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn, bùn được đưa vào máy ép bùn để thành các bánh bùn khô. Bùn khô được lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại và công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển xử lý.

\* Chế độ vận hành: 24h/ngày

\* Hiệu quả xử lý nước thải hiện nay:

Hàng năm Công ty đã hợp đồng với đơn vị có năng lực thực hiện lấy mẫu quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý. Kết quả quan trắc qua các đợt quan trắc đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: Tọa độ xả thải: X (m): 2259560 Y(m): 556780 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Vị trí xả thải đã được chấp thuận: Cống thu gom nước thải của KCN Hòa Xá.

Công ty đã ký hợp đồng số 01/HĐDV-XLNT với Công ty phát triển và khai thác hạ tầng KCN Nam Định (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng và tư vấn đầu tư KCN tỉnh Nam Định) để xử lý nước thải từ QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) lên QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

## **2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:**

Các nguồn phát sinh bụi, khí thải của cơ sở bao gồm:

- Khí thải, bụi từ hoạt động giao thông: Hoạt động của các phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu và đi lại của CBCNV sẽ là nguồn phát sinh bụi, khí thải. Thành phần khí thải gồm: khí  $SO_2$ ,  $NO_x$ , CO,  $CO_2$ , VOC và bụi.

- Từ hoạt động sản xuất:

+ Khí thải, hơi dung môi phát sinh từ quá trình nhuộm, xử lý sợi, quá trình hấp, sấy. Thành phần khí thải gồm: hơi thuốc nhuộm, VOC, hơi kiềm, hơi axit acetic.

+ Bụi, khí thải phát sinh tại lò hơi. Thành phần khí thải gồm: Bụi, khí  $SO_2$ ,  $NO_x$ , CO.

+ Khí thải khu vực chạy máy phát điện dự phòng. Thành phần khí thải gồm: Bụi, khí  $SO_2$ ,  $NO_x$ , CO.

+ Hơi mùi tại khu vực xử lý nước thải. Thành phần khí thải gồm:  $H_2S$ ,  $NH_3$ .

- Từ hoạt động nhà ăn: công ty sử dụng suất ăn do đơn vị cung cấp chứ không nấu nướng tại công ty nên hơi mùi sẽ phát sinh trong giai đoạn CBCNV sử dụng suất ăn.

Các công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải của cơ sở như sau:

**\* Đối với bụi, khí thải từ hoạt động giao thông**

- Phân luồng rõ khu vực để xe dành cho cán bộ công nhân viên, và các phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm ra vào Nhà máy cụ thể như sau:

+ Khu vực nhà để xe của cán bộ công nhân viên công ty được quy hoạch gần cổng ra vào thuận tiện cho việc đi lại và hạn chế việc phát tán bụi, khí thải trong khuôn viên công ty.

+ Đối với các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào công ty để không chế nguồn ô nhiễm áp dụng một số biện pháp: xây dựng chế độ vận hành xe, các phương tiện giao thông ra vào hợp lý, xe khi vào đến Công ty phải chạy chậm với tốc độ cho phép, trong thời gian bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm không được nổ máy.

- Thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu, khu vực kho và khu vực xe vận chuyển để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất.

- Trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, mắt kính chuyên dùng, găng tay...cho công nhân xếp hàng hóa.

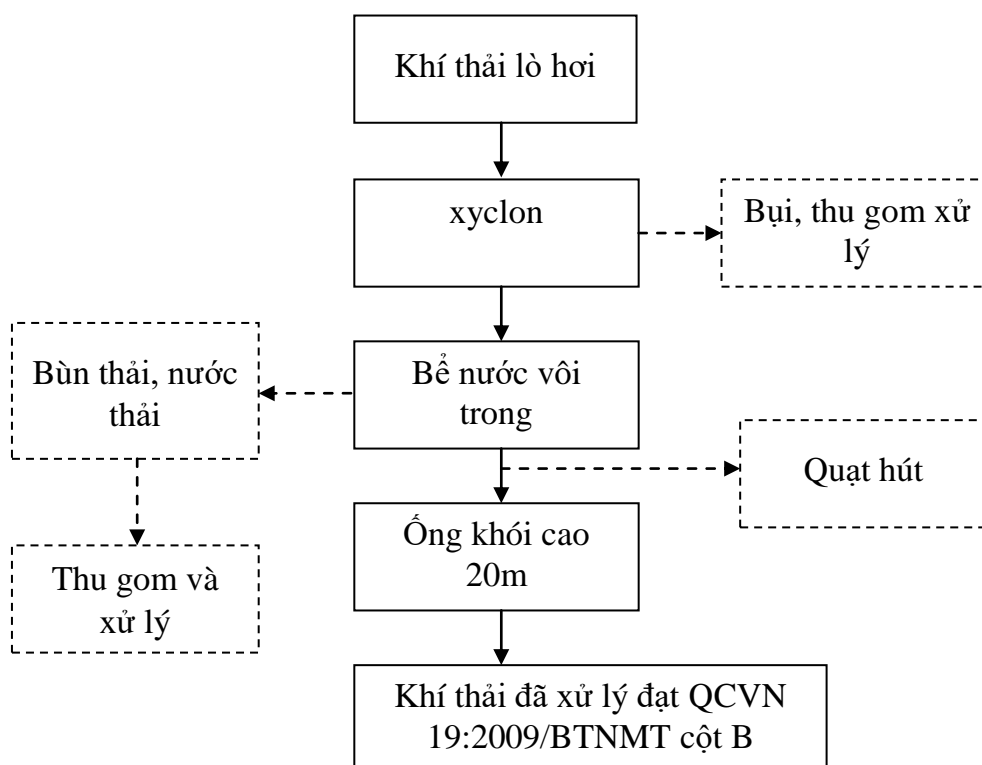
- Trồng cây xanh tạo cảnh quan trong khuôn viên công ty để chống ồn, chống bụi và cải thiện môi trường không khí. Ngoài ra cây xanh còn trồng dọc theo nhà xưởng, sân đường nội bộ để tạo cảnh quan.

**\* Đối với lò hơi**

Công ty đang sử dụng 02 lò hơi đốt than công suất 3 tấn/giờ (1 lò sử dụng thường xuyên liên tục và 1 lò dự phòng). Lượng than dùng để duy trì lò hơi lớn nhất khoảng 3 tấn than/ngày, là loại than kiple 3x4, với độ tro trung bình là 10%, hàm lượng lưu huỳnh thấp trung bình 0,6%. Do đó, hàm lượng khí thải độc hại phát sinh tương đối thấp. Để giảm thiểu tác động của bụi, khí thải lò hơi, Công ty đầu tư hệ thống xử lý bụi khí thải lò hơi riêng cho mỗi lò hơi trước khi thải ra ngoài qua ống khói cao 20m, đường kính ống khói 40cm. Hàng năm Công ty đã hợp đồng với đơn vị có năng lực thực hiện lấy mẫu quan trắc bụi, khí thải tại lỗ kỹ thuật trên thân ống khói. Kết quả quan trắc qua các đợt quan trắc đều đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B.

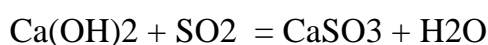
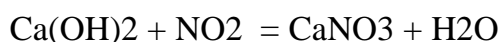
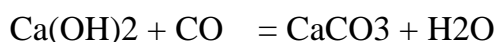
- Tọa độ vị trí xả khí thải: Tọa độ xả thải: X (m): 2259643; Y(m): 556818 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105030', múi chiều 30).

Chi tiết hệ thống xử lý bụi khí thải của công ty:



Thuyết minh:

Dòng khí thải phát sinh được dẫn qua xyclon để tách phần lớn bụi cuốn theo, khối lượng bụi này lắng lại tại đáy xyclon và được thu gom xử lý như chất thải rắn công nghiệp. Sau đó khí thải được dẫn sục vào bể nước vôi trong để hấp thụ toàn bộ bụi còn sót lại, các thành phần khí độc hại có trong khí thải được trung hòa và hấp thụ vào nước vôi trong thông qua phản ứng hóa học:



Nước vôi trong được bổ sung định kỳ, cặn lắng trong bể chứa bụi, bùn thải sẽ được nạo vét thường xuyên và thu gom xử lý như chất thải rắn công nghiệp.

Nước thải sẽ được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

Khí thải sau khi được xử lý sẽ được quạt hút đẩy ra ngoài môi trường thông qua ống khói cao 20m, đường kính 40cm.

Căn cứ vào kết quả quan trắc định kỳ phân tích chất lượng khí ống khói cho thấy, các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn hiện hành.

**\* Đối với hoạt động trong xưởng sản xuất**

Công ty áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:



+ Bố trí máy móc, thiết bị dọc theo nhà xưởng phù hợp với quy trình sản xuất, hạn chế sự phát tán của khí thải ra ngoài môi trường xung quanh.

+ Tăng cường thông thoáng nhà xưởng bằng các mái đối lưu tự nhiên, hệ thống thông gió tự nhiên nhằm tránh hiện tượng tập trung khí thải cục bộ gây ảnh hưởng tới sức khỏe người công nhân lao động.

+ Các công đoạn nhuộm, xử lý sợi, sấy, hấp, giặt được thực hiện khép kín, công nhân làm việc tại các bộ phận này được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động.

+ Nền nhà xưởng được láng bê tông và lát gạch để hạn chế bụi phát tán từ nền nhà xưởng trong khu vực sản xuất.

+ Bố trí công nhân quét dọn và thu gom bụi sau mỗi ca làm việc.

**\* Biện pháp giảm thiểu mùi, khí thải khu vực nhà ăn:**

Công ty sử dụng suất ăn công nghiệp do đơn vị cung cấp vận chuyển đến nên hơi mùi sẽ chỉ phát sinh khi CBCNV sử dụng suất ăn. Để hạn chế lượng hơi mùi này ảnh hưởng tới môi trường cũng như sức khỏe con người, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

+ Khu nhà bếp của Công ty được thiết kế thông thoáng với không gian rộng nên mùi thức ăn tại đây dễ dàng bị pha loãng.

+ Đề nghị đơn vị cung cấp không chuẩn bị và nấu ăn tại nhà ăn của công ty.

+ Vệ sinh nhà ăn sau khi sử dụng. Dùng các loại nước tẩy rửa, vệ sinh để tiến hành vệ sinh, khử mùi.

**\* Biện pháp giảm thiểu hơi mùi khu vực trạm xử lý nước thải**

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo quản hệ thống phân phối khí và sục khí ở các bể điều hòa, bể Aerotank để duy trì điều kiện hiếu khí, giảm thiểu việc phát sinh các khí gây mùi như  $H_2S$ ,  $NH_3$  ...

+ Kiểm tra chế độ bơm nước thải tại các bể tiếp nhận để đảm bảo thời gian lưu nước của các bể, tránh xảy ra tình trạng phân hủy kỵ khí ở các bể.

+ Nước thải trong bể gom được luân chuyển liên tục, không bị lưu quá 12h nên hạn chế quá trình phân huỷ và phát tán mùi, khí thải ra ngoài môi trường.

**\* Giải pháp trồng cây xanh:**

Hiện nay trong khuôn viên của Công ty đã trồng cây xanh dọc theo đường nội bộ, tường rào. Công ty tận dụng mặt bằng để trồng cây xanh, tổng diện tích công ty dành để trồng cây xanh trong khuôn viên là 2.691 m<sup>2</sup>.

Cây xanh góp phần tạo không gian cảnh quan đẹp và cải thiện môi trường. Tác dụng của cây xanh trong việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường như: giảm bức xạ nhiệt, giảm nhiệt độ không khí, nhiệt độ bề mặt, tăng độ ẩm, tăng lượng oxy, hấp thụ các chất độc hại trong không khí; hấp thụ tiếng ồn, giảm nồng độ bụi và cản gió.

### 3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

#### 3.1. Công tác phân loại, thu gom

##### a) Nguồn phát sinh chất thải rắn thông thường

###### \* **Chất thải rắn sinh hoạt:**

- *Nguồn phát sinh:*

+ Từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên và hoạt động ăn uống trong Công ty...

+ Thành phần: Rác thải sinh hoạt như thức ăn thừa, rau thực phẩm hỏng, túi nilon, giấy, vụn phòng phẩm hỏng thải...

- *Khối lượng:* khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 20 kg/ngày.

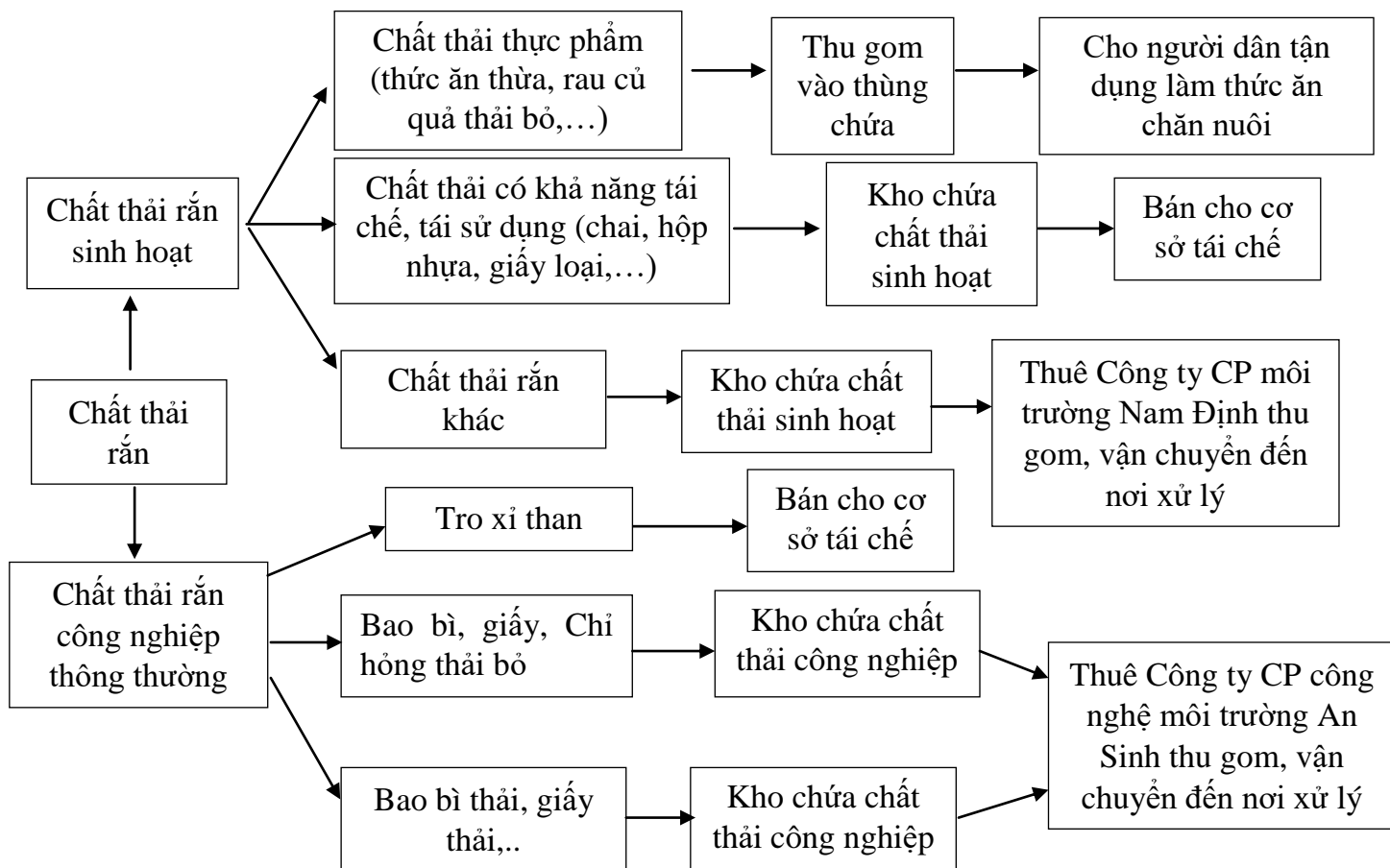
###### \* **Chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- *Nguồn phát sinh và khối lượng:*

+ Phát sinh do quá trình sản xuất bao gồm bao bì thải, giấy thải, lõi cuộn chỉ thải, chỉ hỏng... khối lượng khoảng 30 kg/ngày. Tro xỉ từ khu vực nồi hơi khoảng 150 kg/ngày.

Các chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty được tiến hành thu gom, phân loại và xử lý như sau:

Sơ đồ 6: Biện pháp quản lý chất thải rắn của Công ty



### **3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

\* Chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở được phân loại theo quy định của Luật BVMT 2020 như sau:

+ Đối với chất thải thực phẩm như thức ăn thừa, rau củ quả thải bỏ,... được thu gom vào 01 thùng chứa có thể tích 120 lít, có nắp đậy đặt tại khu vực bếp ăn. Chất thải này sẽ cho người dân đến thu gom hàng ngày để tận dụng làm thức ăn chăn nuôi.

+ Đối với chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng như chai, hộp nhựa, lon nước giải khát, giấy loại,... được thu gom vào 5 thùng chứa có thể tích 50 ÷ 70 lít, có nắp đậy được bố trí tại khu vực nhà ăn, hành lang khu nhà xưởng, nhà điều hành sản xuất, tuyến đường nội bộ. Vào cuối giờ làm nhân viên vệ sinh của cơ sở sẽ thu gom về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt phía Bắc công ty có diện tích 28 m<sup>2</sup>, kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái bạt và được bán cho cơ sở tái chế.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác bao gồm các loại chất thải rắn sinh hoạt không có chứa yếu tố độc hại và không thuộc nhóm chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng hoặc chất thải thực phẩm được thu gom vào 10 thùng chứa có thể tích 30 ÷ 50 lít, có nắp đậy được bố trí tại khu vực nhà ăn, hành lang khu nhà xưởng, nhà điều hành sản xuất, tuyến đường nội bộ. Vào cuối giờ làm nhân viên vệ sinh của cơ sở sẽ thu gom về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt phía Bắc công ty có diện tích 28 m<sup>2</sup>, kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái bạt.

Công ty đã ký hợp đồng hàng năm với Công ty CP môi trường Nam Định đến thu gom, vận chuyển xử lý.

\* Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải công nghiệp phát sinh gồm chỉ, bao bì thải, lõi cuộn chỉ, giấy thải,... được đóng bao và lưu giữ trong kho chứa chất thải công nghiệp phía Tây Bắc công ty. Kho có diện tích 50 m<sup>2</sup>, kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái bạt. Công ty ký hợp đồng số 730/20240102/HĐKT/AS-DYST ngày 02/01/2024 với Công ty CP công nghệ môi trường An Sinh đến thu gom, vận chuyển đi xử lý.

- Tro xỉ than được giữ trong kho chứa phía Bắc công ty có diện tích 10 m<sup>2</sup>, kết cấu

nền bê tông, tường gạch, mái bạt và được bán lại cho các cơ sở sản xuất gạch không nung.

#### 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

##### 4.1. Công tác phân loại, thu gom, lưu giữ:

###### a. Nguồn phát sinh CTNH:

\* Các công đoạn phát sinh: Hoạt động bảo dưỡng máy móc thiết bị; hoạt động chiếu sáng; hoạt động xử lý nước thải,...

\* Khối lượng:

Căn cứ theo chứng từ CTNH năm 2023, 2024, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất như sau:

*Bảng 7: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất.*

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
1	Dầu máy thải	15 01 07	18	Công ty CP công nghệ môi trường An Sinh	Được vận chuyển, xử lý bởi Công ty CP công nghệ môi trường An Sinh
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	18 02 01	180		
3	Bao bì đựng hóa chất	18 01 01	24		
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	15		
5	Dầu silicon thải	19 03 02	90		
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	10 02 03	40.000		

###### b. Công tác phân loại, thu gom

Tất cả CTNH phát sinh từ hoạt động sản xuất của công ty đang được lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo quy định, cụ thể như sau:

- Chất thải nguy hại được thu gom và lưu giữ tại kho chất thải nguy hại diện tích 32 m<sup>2</sup> phía Bắc công ty. Kho xây dựng nền bê tông, tường gạch, mái tôn, cửa bằng sắt, có biển báo kho chứa chất thải nguy hại, biển cảnh báo.

- Trang bị 05 thùng chứa chất thải nguy hại loại có thể tích từ 50l đến 120l, có nắp đậy, có ghi nhãn bên ngoài mỗi thùng chứa và gắn nhãn trên tường kho để phân biệt từng loại chất thải nguy hại và được đặt tại kho chứa CTNH.

- Bùn thải được lưu giữ tại bể chứa bùn và đóng vào các bao chứa trong kho chất thải nguy hại.

- Công nhân thu gom chất thải nguy hại được trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết như: găng tay, mũ, khẩu trang.

#### **4.2. Biện pháp xử lý CTNH:**

Công ty ký hợp đồng số 731/20240102/HĐKT/AS-DYST ngày 02/01/2024 với Công ty CP công nghệ môi trường An Sinh về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. Công ty CP công nghệ môi trường An Sinh có địa chỉ tại thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Công ty CP công nghệ môi trường An Sinh đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép xử lý CTNH mã số QLCTNH 1-2-3.-24.VX

#### **5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

Nguồn phát sinh: Tiếng ồn, độ rung chủ yếu từ các thiết bị máy móc như máy may, quạt hút, máy phát điện, khu vực xưởng sản xuất,..Ngoài ra, còn có hoạt động của các máy móc thiết bị tại trạm xử lý nước thải tập trung như máy thổi khí, máy bơm... và hoạt động của các phương tiện giao thông.

Biện pháp giảm thiểu:

- Công ty đã đầu tư vốn để trang bị máy móc hiện đại, tiên tiến do đó ảnh hưởng của tiếng ồn sẽ được hạn chế đáng kể.

- Bố trí dây chuyền máy móc thiết bị hợp lý để không gây ra sự cộng hưởng tiếng ồn khi hoạt động.

- Trong quá trình sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

- Tất cả máy móc thiết bị sản xuất có khả năng tạo rung động lớn đều đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

- Hành lang cách ly giữa những khu vực gây ồn lớn với các khu vực khác phải được đảm bảo.

- Công ty có quy định đối với các phương tiện chuyên chở, phải tuân thủ đúng tải trọng, bảo dưỡng máy móc định kỳ, tuân thủ quy định giao thông khi ra vào Công ty.

## **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:**

### ***a. Phương án kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các máy móc thiết bị có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường***

Công ty cử 01 cán bộ phụ trách môi trường có trách nhiệm định kỳ kiểm tra hàng ngày toàn bộ máy móc thiết bị của công ty và hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện các sự cố hỏng hóc trong quá trình vận hành và tiến hành sửa chữa và khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra.

### ***b. Các biện pháp phòng ngừa đối với từng nguy cơ xảy ra sự cố môi trường***

#### ***\* Công tác phòng chống cháy nổ.***

Để phòng ngừa, ứng phó với sự cố cháy nổ, Công ty đã lập phương án chữa cháy như sau:

- Lực lượng: Công ty thành lập đội phòng cháy chữa cháy cơ sở với tổng số 06 đội viên. Lực lượng hàng năm được tập huấn công tác nghiệp vụ PCCC theo luật phòng cháy chữa cháy. Lực lượng chữa cháy được phân công với các nhiệm vụ khác nhau như nhóm làm nhiệm vụ triển khai phương tiện chữa cháy, nhóm di dời tài sản máy móc, nhóm cứu thương, cứu người, bảo vệ, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy.

Lực lượng bảo vệ cơ sở gồm 06 người đã được huấn luyện nghiệp vụ về PCCC chia làm 3 ca trực, mỗi ca 02 người thực hiện nhiệm vụ tuần tra canh gác, bảo vệ và kiêm nhiệm công tác thường trực chữa cháy. Khi xảy ra cháy, đội PCCC cơ sở nhanh chóng tập hợp và tổ chức triển khai các hoạt động chữa cháy dưới sự chỉ huy đội trưởng đội PCCC cơ sở hoặc lãnh đạo cơ sở.

Công ty đã thiết kế và đã lắp đặt hệ thống cháy, chữa cháy tại chỗ, riêng biệt phục vụ công tác phòng chống cháy nổ.

- Hệ thống báo cháy tự động gồm 01 tủ trung tâm báo cháy tự động 12 kênh lắp đặt tại công bảo vệ, các đầu báo cháy nhiệt ion và khói được lắp đặt ở khu văn phòng, xưởng sản xuất, nhà kho, nhà ăn.

- Cơ sở trang bị 40 bình chữa cháy bằng bột MFZ4, 30 bình chữa cháy MT3, 10 họng nước chữa cháy vách tường đầy đủ lăng vòi, 02 trụ nước chữa cháy 2 cửa tại vị trí bên ngoài xung quanh các xưởng cùng nhiều trang thiết bị, phương tiện chữa cháy tại chỗ khác như phi đựng nước, xô, xẻng, chậu, thang tre, câu liêm,...

Các phương tiện được bố trí ở nơi dễ thấy, dễ lấy gần các khu vực cửa ra vào. Khi xảy ra cháy tại một khu vực nào đó thì có thể huy động toàn bộ lực lượng, phương tiện chữa cháy trên ở các khu vực khác nhau để giam ga tập trung dập tắt đám cháy theo mệnh lệnh và sự phân công của người chỉ huy chữa cháy.

#### ***\* Phòng ngừa bệnh liên quan đến tác nhân nghề nghiệp:***

- Cử công nhân quét dọn nhà xưởng sau mỗi ca làm việc.
- Tuyên truyền cho CBCNV nhận thức về tác hại của bụi và đề ra nội quy về an toàn lao động trong quá trình vận hành các thiết bị máy móc.
- Trang bị bảo hộ lao động như quần áo, giày, khẩu trang chống bụi CBCNV.
- Tổ chức kiểm tra sức khỏe cho CBCNV, định kỳ 2 lần/năm
- Thực hiện đầy đủ chính sách cho người lao động trong nhóm lao động nặng nhọc ,độc hại.

**\* An toàn lao động.**

Để bảo đảm an toàn lao động trong quá trình sản xuất, ban lãnh đạo nhà máy kết hợp với CBCNV thực hiện các biện pháp sau:

- Tuyệt đối chấp hành mọi sự chỉ dẫn về an toàn lao động, nội qui phòng cháy và chữa cháy, đặc biệt là vấn đề vệ sinh công nghiệp.
- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành thiết bị máy móc, quy trình công nghệ, định lượng chính xác nguyên vật liệu, nhiên liệu để giảm bớt lượng chất thải, ổn định thành phần và tính chất của chất thải tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và xử lý chất thải.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các trang thiết bị máy móc sản xuất để kịp thời thay thế, sửa chữa,... khi có hỏng hóc.
- Định kỳ hàng năm sẽ đào tạo, tập huấn cho CBCNV về an toàn lao động.
- Định kỳ hàng năm tổ chức quan trắc môi trường lao động tại cơ sở theo quy định của pháp luật.

**\* Sự cố ngộ độc thực phẩm:**

Công ty hiện đang áp dụng các biện pháp sau:

- Yêu cầu đơn vị cung cấp suất ăn nhập nguyên liệu từ các cơ sở có uy tín, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo chất lượng.
- Kiểm tra đột xuất đơn vị cung cấp suất ăn khi họ đang chế biến, yêu cầu nguyên liệu thực phẩm chế biến hàng ngày phải được thực hiện việc lưu mẫu bảo quản trong tủ lạnh bao gồm thức ăn sống và thức ăn chín. Thời gian lưu mẫu và bảo quản mẫu là 24h.
- Đơn vị cung cấp suất ăn được cấp chứng nhận cơ sở vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Lượng thức ăn sau khi nấu chín được che đậy cẩn thận để phòng ngừa ruồi muỗi.

**\* Biện pháp phòng chống sự cố lò hơi:**

+ Bố trí người trực theo ca khi nồi hơi hoạt động, người vận hành nồi hơi được đào tạo theo đúng quy định của pháp luật, được cấp chứng chỉ vận hành và thường xuyên được tập huấn về an toàn sự cố nổ nồi hơi.

+ Xây dựng quy trình vận hành và nội quy khi vận hành nồi hơi.

+ Công ty đã thực hiện kiểm định đường ống dẫn hơi theo quy định.

+ Công ty đã thực hiện kiểm định lò hơi, hệ thống đường ống dẫn hơi từ lò hơi đến nhà xưởng sản xuất theo quy định, lò hơi, hệ thống đảm bảo đạt yêu cầu cho quá trình sản xuất.

Đối với máy nén khí, hệ thống đường ống dẫn khí nén Công ty cũng thực hiện kiểm định theo quy định.

**\* Phòng chống sự cố về hệ thống xử lý nước thải tập trung:**

Trách nhiệm của người vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Nắm vững quy trình công nghệ, tuân thủ đúng và đầy đủ các quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên theo dõi, phân tích định kỳ, quan sát tính biến động của nước thải và các yếu tố bất thường liên quan đến quá trình xử lý nước thải của hệ thống.

- Thường xuyên ghi chép, lưu giữ thông tin chính xác, đầy đủ trong Sổ nhật ký vận hành của hệ thống xử lý.

- Có ý thức bảo vệ tài sản của công trình, đảm bảo an toàn lao động, kiểm tra hệ thống trước khi tiến hành bàn giao ca.

- Khi thấy bất kỳ hiện tượng bất thường nào phải tiến hành kiểm tra, theo dõi và báo cho người có thẩm quyền có biện pháp ứng phó, khắc phục kịp thời.

Khắc phục các sự cố.

- Sự cố mất điện: Trang bị máy phát điện dự phòng.

- Sự cố hư hỏng máy bơm tại bể điều hòa

Thường xuyên kiểm tra bơm chìm nước thải lắp đặt tại bể điều hòa, xem rác, bùn có thể bám vào, làm tắc đầu hút của bơm. Khi đó cần kéo lên và dùng nước có áp cao vệ sinh để tránh hiện tượng tắc nghẽn. Đồng thời kiểm tra xem rác thải có thể bám vào phao làm sai tín hiệu, khi đó cần vệ sinh ngay cọc phao.

- Sự cố đối với hệ vi sinh hiếu khí tại ngăn aerotank:

Khi vận hành ngăn aerotank (ngăn hiếu khí) cần duy trì và lưu ý các yếu tố sau:

+ Lượng khí cấp vào ngăn hiếu khí: Phải cấp đủ khí và liên tục 24/24 giờ. Nếu thời gian cấp khí bị gián đoạn khoảng 1 - 3 ngày (tùy tình hình thực tế) sẽ không phải nuôi cấy lại vi sinh trong bể. Tuy nhiên, người vận hành cần kiểm tra thực tế lượng vi sinh, tỷ lệ chiếm chỗ của bùn hoạt tính trong bể để có phương án nuôi cấy lại vi sinh hay chỉ cần bổ sung chế phẩm vi sinh cho phù hợp.

+ Nhận biết tình trạng hoạt động của ngăn hiếu khí dựa vào màu của bùn hoạt tính trong ngăn theo kinh nghiệm và cách xử lý như sau:



- Bùn màu vàng nâu (màu gạch cua): Đây là màu chuẩn của bùn hoạt tính, bùn có màu này chứng tỏ bùn lắng tốt, khỏe, bề hoạt động tốt.

- Bùn màu trắng: do vi khuẩn dạng sợi phát triển (trong điều kiện thiếu N, P, O<sub>2</sub>) làm cho bông bùn xốp, tỷ trọng bùn giảm, thể tích lắng giảm và bùn khó lắng. Khi đó cần kiểm tra hàm lượng oxy trong ngăn, nếu thiếu thì phải bổ sung.

- Bùn màu đen: mùi H<sub>2</sub>S, metacaptan, do có quá trình phân huỷ yếm khí tạo ra, điều này chứng tỏ là bề thiếu oxy nghiêm trọng, tạo điều kiện yếm khí cho các vi khuẩn hô hấp tùy tiện hô hấp theo kiểu yếm khí. Cần bổ sung oxy thật mạnh. Nếu không phục hồi được thì cần rút hết về bể chứa chứa bùn, và phải nuôi cấy lại từ đầu.

- + Kiểm tra bơm tuần hoàn chìm trong bể hiếu khí: xem rác, bùn có thể bám vào, làm tắc đầu hút của bơm. Khi đó cần kéo lên và dùng nước có áp cao vệ sinh để tránh hiện tượng tắc. Kiểm tra xem rác thải có thể bám vào phao làm sai tín hiệu. Khi đó cần vệ sinh ngay cọc phao.

- + Sự cố do bão lũ, thời tiết bất thường: Nếu thời tiết thay đổi như bão lũ hoặc nước thải chứa nhiều hóa chất độc hại gây ức chế hoạt động của vi sinh vật, cần tiến hành kiểm tra thành phần nước thải. Nếu nước thải có pH >8 thì cần bổ sung axit để trung hòa nước thải. Đồng thời, bổ sung thêm chế phẩm vi sinh, bùn hoạt tính vào bể hiếu khí nhằm duy trì hoạt động của vi sinh vật, tăng cường hiệu quả xử lý nước thải.

- Sự cố tại ngăn lắng (bể lắng sinh học):

- + Sự cố nổi bùn lên mặt bể lắng sinh học. Cách khắc phục Đo mật độ vi sinh tại bể hiếu khí nếu cao hơn 60ml/100ml thì phải tiến hành xả bùn dư về bể ủ bùn theo như quy trình xả bùn ở phần trên. Kiểm tra bơm bùn sinh học, nếu bị tắc phải thông rửa sạch sẽ hay nếu không hoạt động phải đổi bơm và sửa chữa khắc phục sự cố này ngay.

- + Nước thải có màu đen có hiện tượng nổi bùn trên bể lắng. Giảm lưu lượng bơm nước. Bật 2 máy nén khí chạy liên tục để cấp khí trong bể sinh học hiếu khí trong 3h.

- + Nước thải có màu đen không trong: Kiểm tra lượng vi sinh trong bể, nếu < 100 mL thì mở to van hồi lưu để bùn quay lại.

- + Bọt trắng nổi đầy bề mặt bể hiếu khí: Kiểm tra máy thổi khí, bơm khí. Bật thêm máy thổi khí.

- Sự cố đối với máy móc thiết bị tại hệ thống xử lý nước thải: Kiểm tra và có hướng khắc phục kịp thời.

Khi hệ thống xử lý xảy ra sự cố: toàn bộ nước thải chưa xử lý tại nhà máy sẽ được lưu giữ trong bể điều hòa. Nếu trong thời gian khắc phục sự cố lượng nước thải vượt quá khả năng lưu chứa của bể này thì nhà máy sẽ tạm dừng sản xuất để không phát sinh thêm nước thải.

Sau khi hệ thống xử lý khắc phục xong sự cố thì toàn bộ lượng nước thải này sẽ được

xử lý đạt QCCP trước khi thải ra môi trường.

**\* Phòng chống sự cố về CTNH:**

Yêu cầu công nhân thu gom, phân loại, lưu giữ CTNH theo từng loại riêng biệt, tuyệt đối không để chất thải nguy hại có khả năng tương tác với nhau đặt gần nhau. Khi có sự cố rò rỉ, phát tán CTNH ra môi trường xung quanh, nhà máy sẽ tiến hành thu gom CTNH vào thùng chứa, kho chứa và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

**\* Phòng chống tai nạn giao thông:**

- Quy định trọng tải, tuyến đường và tốc độ vận chuyển đối với phương tiện vận tải chở nguyên vật liệu và sản phẩm của nhà máy;

- Thường xuyên tuyên truyền cho CBCNV trong nhà máy về vệ an toàn trong tham gia giao thông như đội mũ bảo hiểm, đi đúng làn đường,...

**\* Phòng chống thiên tai:**

- *Kế hoạch phòng chống bão, lụt:*

+ Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, bão lụt;

+ Thường xuyên kiểm tra bảo đảm an toàn các đường dây tải điện, đặc biệt khi có tin bão có thể xảy ra trên địa bàn.

+ Khi có tin bão có thể xảy ra, lãnh đạo yêu cầu công nhân kê cao hàng hoá, nguyên vật liệu, chằng buộc cửa sổ, cửa ra vào chắc chắn để tránh thiệt hại khi bão xảy ra.

+ Thành lập ban phòng chống bão lụt, triển khai các hoạt động cụ thể trong mùa mưa bão phù hợp với tình hình thực tế.

+ Thường xuyên kiểm tra, khơi thông cống rãnh.

- *Phòng chống sét:*

+ Lắp đặt hệ thống chống sét cho nhà xưởng bao gồm hệ thống kim thu sét, trụ đỡ + dây giăng, cáp thoát sét và cọc tiếp đất.

+ Hệ thống máy móc, thiết bị hoạt động được tiếp đất 100% theo đúng quy định an toàn về điện.

+ Định kỳ 1 lần/năm tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống chống sét.

**c. Phương án sắp xếp vị trí các khu vực sản xuất của cơ sở nhằm giảm mức độ ảnh hưởng tiêu cực khi xảy ra sự cố**

Các máy móc thiết bị trong xưởng sản xuất được Công ty bố hợp lý nhằm tạo ra năng suất, nhịp độ sản xuất nhanh hơn và giảm được ảnh hưởng tiêu cực khi xảy ra sự cố, cụ thể bao gồm:

- Chừa một khoảng hợp lý giữa các thiết bị, lối đi dọc, đi ngang, lối đi gần tường để công nhân hoạt động thuận lợi, tránh tai nạn và thuận lợi cho CBCNV di chuyển ra khỏi xưởng khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Đảm bảo khoảng cách giữa các thiết bị với thiết bị, giữa thiết bị với tường để dễ thao tác, dễ sửa chữa..

- Các thiết bị có cùng chức năng được bố trí thành cụm.

- Các bộ phận chuyển động của máy móc, thiết bị có tấm che chắn ...

**d. Phương án đảm bảo nguồn lực của cơ sở để sẵn sàng ứng phó sự cố môi trường.**

Công ty thành lập ban phòng chống sự cố môi trường và thường xuyên tập huấn cho CBCNV trong công ty về phương án phòng chống khi xảy ra sự cố môi trường nhằm giảm thiểu các rủi ro đối với tính mạng con người cũng như tài sản của công ty.

**e. Các biện pháp cảnh báo, báo động, đảm bảo an ninh và bố trí giao thông để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường**

- Lắp đặt hệ thống báo cháy và biển báo hướng dẫn thoát hiểm khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Hệ thống giao thông nội bộ được công ty bố trí hợp lý chạy quanh xưởng sản xuất, đảm bảo cho xe PCCC có thể tiếp cận được mọi vị trí khi xảy ra cháy nổ.

- Thường xuyên đào tạo, tập huấn, diễn tập, phổ biến thông tin về phòng ngừa, ứng phó sự cố cho cán bộ công nhân viên của cơ sở và tổ chức cá nhân có liên quan bên ngoài cơ sở.

**7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:**

Năm 2014, Công ty đã được Sở tài nguyên và môi trường Nam Định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy sản xuất chỉ khâu DongYang ST Vina tại Quyết định số 2294/QĐ-STNMT ngày 17/11/2014. Đến nay Công ty đã có thay đổi một số nội dung như sau:

*Bảng 8: Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết*

STT	Tên công trình	Phương án trong Đề án BVMT chi tiết	Phương án xin điều chỉnh thay đổi	Lý do điều chỉnh, thay đổi
1	Sân phơi bùn	Có sân phơi bùn	Sử dụng máy ép bùn, ép bùn từ bể chứa bùn để giảm nước lẫn trong bùn, từ đó giảm khối lượng bùn, bùn sau khi ép được đóng bao để tại kho chứa chất thải nguy hại	Việc sử dụng máy ép bùn sẽ giúp giảm thời gian xử lý bùn phát sinh

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH DongYang ST Vina

2	Nhà bếp	Công ty tổ chức nấu ăn	Công ty không nấu ăn	Công ty ký hợp đồng cung cấp suất ăn với đơn vị bên ngoài cung cấp vào cho CBCNV
3	Công suất	2.500.000 cuộn chi/năm	2.200.000 cuộn chi/năm	Khi lập đề án BVMT chi tiết thì công ty đang có nhu cầu tăng công suất sản xuất, sau đó do thị trường giảm nên công ty chỉ sản xuất đúng công suất trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ 4 ngày 04/7/2016 do Ban QLCKCN tỉnh Nam Định cấp

## CHƯƠNG IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

Toàn bộ nước thải phát sinh của Công ty được thu gom và xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Công ty đã ký hợp đồng số 01/HĐDV-XLNT với Công ty phát triển và khai thác hạ tầng KCN Nam Định (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng và tư vấn đầu tư KCN tỉnh Nam Định) để xử lý nước thải từ QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) lên QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Nên báo cáo không đề nghị cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật BVMT 2020.

#### 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

##### 2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: lò hơi đốt than (lò chính).
- Nguồn số 02: lò hơi đốt than (lò dự phòng).

##### 2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

Tham khảo thông tin từ các đơn vị thực hiện đo đạc, quan trắc bụi, khí thải của lò hơi như Trung tâm quan trắc và phân tích tài nguyên môi trường Nam Định, Công ty CP công nghệ môi trường Hải Việt, lưu lượng khí thải của lò hơi công suất 3 tấn hơi/h từ 6.500 (m<sup>3</sup>/h) - 7.000 (m<sup>3</sup>/h). Lò hơi của Công ty có công suất 3 tấn hơi/h. Do đó Công ty xin cấp giấy phép môi trường của lưu lượng khí thải tối đa của lò hơi là 7.000 m<sup>3</sup>/h.

##### 2.3. Dòng khí thải

Dòng khí thải: 01 dòng khí thải từ ống khói được xả ra môi trường.

##### 2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Áp dụng hệ số Kp =1 do lưu lượng khí thải là 7.000 m<sup>3</sup>/h < 20.000 m<sup>3</sup>/h, Kv=1 do Phân vùng, khu vực loại 3).

Bảng 9: Giới hạn thông số đề nghị cấp phép đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giới hạn	Quy chuẩn áp dụng
			$C = C_{\max}$	
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	QCVN 19:2009/BTNMT (B) (Áp dụng hệ số Kp: Kp < 20.000 nên Kp=1, Kv=1)
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1000	
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500	
4	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850	

Khi có sự thay đổi về các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

- Tọa độ vị trí xả khí thải: Tọa độ xả thải: X (m): 2259643; Y(m): 556818 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiều 30).

- Phương thức xả thải: bơm cưỡng bức

**CHƯƠNG V**

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.**

*Bảng 10: Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ.*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích mẫu nước thải đầu ra				QCVN 13- MT:2015/BTNMT (B)
			T3/2023	T5/2023	T8/2023	T12/2023	C <sub>max</sub>
1	pH	-	7,08	7,09	7,06	7,02	5,5÷9
2	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	70	73	46	63	100 (*)
3	Độ màu	Pt-Co	142	110	90	142	150
4	COD	mg/l	140	147	95	147	150
5	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	45	42	36	41	50
6	Mùi	-	Không khó chịu	Không khó chịu	Không khó chịu	Không khó chịu	-
7	Amoni (theo N)	mg/l	6,5	5,2	2,8	6,4	-
8	Sunfua	mg/l	0,4	0,4	0,36	0,4	-
9	Tổng Phôtpho	mg/l	1,27	2,1	1,25	3,1	-
10	Tổng N	mg/l	30	24,5	21	36	-
11	Clo dư	mg/l	<0,6	<0,6	0,8	<0,6	2
12	Sắt	mg/l	0,45	0,65	0,36	0,5	-
13	Crom (VI)	mg/l	0,015	<0,009	<0,009	<0,009	0,1
14	Dầu mỡ khoáng	mg/l	1,3	1	<0,9	3	-
15	Tổng Coliforms	MPN/100ml	4.500	4.400	3.200	4.000	-

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH DongYang ST Vina

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích mẫu nước thải đầu ra		QCVN 13-MT:2015/BTNMT (B)
			T3/2024	T5/2024	$C_{max}$
1	pH	-	7,04	7,11	5,5÷9
2	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	36	35	100 (*)
3	Độ màu	Pt-Co	80	35	150
4	COD	mg/l	110	60	150
5	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	39	27	50
6	Mùi	-	Không khó chịu	Không khó chịu	-
7	Amoni (theo N)	mg/l	2,1	2,1	-
8	Sunfua	mg/l	0,25	0,22	-
9	Tổng Phôtpho	mg/l	1,6	1,1	-
10	Tổng N	mg/l	19	17	-
11	Clo dư	mg/l	0,7	0,8	2
12	Sắt	mg/l	0,37	0,35	-
13	Crom (VI)	mg/l	<0,009	<0,009	0,1
14	Dầu mỡ khoáng	mg/l	1,0	<0,9	-
15	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.200	2.900	-

*Ghi chú:*

- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải tại hố ga cuối cùng sau hệ thống xử lý nước thải của Công ty, điểm trước khi đầu nối với cống thu gom nước thải của KCN Hòa Xá;

- QCVN 13-MT:2015/BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm (với  $C_{max} = C \times K_q \times K_f$  trong đó giá trị  $C$  xác định theo cột B của Quy chuẩn,  $K_q=0,9$  và  $K_f=1,1$ );



- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn;

**Nhân xét:** Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023, 2024 (mỗi năm quan trắc 4 đợt) của cơ sở cho thấy kết quả phân tích nước thải tại tất cả các đợt quan trắc 15/15 thông số đều nằm trong giới hạn cho phép.

## 2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.

Bảng 11: Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải định kỳ.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích mẫu khí thải lò hơi				QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)
			T3/2023	T5/2023	T8/2023	T12/2023	
1	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	400	73	105	241	500
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	152	578	210	315	1.000
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	73	92	138	204	850
4	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	144	135	130	132	200
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích mẫu khí thải lò hơi		QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)		
			T3/2024	T5/2024			
1	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	205	250	500		
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	427	560	1.000		
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	178	308	850		
4	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	125	130	200		

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại lỗ kỹ thuật trên ống khói lò hơi.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

-  $K_p = 1,0$  (với  $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ );  $K_v = 1,0$  (Phân vùng, khu vực loại 3)

**Nhận xét:** Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải năm 2022, 2023 (mỗi năm quan trắc 4 đợt) của cơ sở cho thấy kết quả phân tích khí thải khi đối chiếu với QCVN 19:2009/BTNMT (cột B), các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép.

### **3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo:**

Theo mục 3 chương V- Kết quả quan trắc môi trường của cơ sở Phụ lục X Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ, kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định. Công ty thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc với tần suất 4 lần/năm (3 tháng/lần), kết quả phân tích định kỳ của công ty được thể hiện cụ thể tại chương V của báo cáo. Do vậy công ty không thực hiện quan trắc trong quá trình lập báo cáo.

## CHƯƠNG VI

### CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

##### 1.1. Đối với nước thải.

Theo mục số 57 phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ thì dự án không thuộc đối tượng lập báo cáo hoàn thành. Công ty nằm trong KCN Hòa Xá, vì vậy không thuộc đối tượng cấp phép xả thải. Theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chủ cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định tại Điều này sau khi được cấp giấy phép môi trường, trừ trường hợp đã có giấy phép môi trường thành phần. Vì vậy Công ty không phải thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải công suất 300m<sup>3</sup>/ngày.

##### 1.2. Đối với khí thải.

Hệ thống xử lý khí thải lò hơi của công ty đã được xác nhận tại Giấy xác nhận hoàn thành số 907/XN-STNMT ngày 27/4/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp về việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết của công ty TNHH DongYang ST Vina tại KCN Hòa Xá, tỉnh Nam Định nên không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

#### 2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

\*) *Chương trình quan trắc nước thải định kỳ.*

- Vị trí quan trắc, giám sát: 01 mẫu nước thải tại hố ga cuối cùng sau hệ thống xử lý nước thải trước khi thải vào cống thoát nước thải của KCN Hòa Xá.

- Thông số quan trắc, giám sát: pH, Tổng chất rắn lơ lửng, Độ màu, COD, BOD<sub>5</sub> (20<sup>0</sup>C), Mùi, Amoni (theo N), Sunfua, Tổng Phôpho, Tổng N, Clo dư, Sắt, Crom (VI), Dầu mỡ khoáng, Tổng Coliforms.

- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần (2 lần/năm)

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 13-MT:2015/BTNMT (B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm (Áp dụng hệ số K<sub>q</sub>=0,9, K<sub>f</sub>=1,1).

\*) *Chương trình quan trắc khí thải định kỳ*

- Vị trí quan trắc, giám sát: 01 mẫu khí thải tại lỗ kỹ thuật trên ống khói lò hơi.

- Thông số quan trắc, giám sát: bụi tổng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>.

- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần (2 lần/năm)

- Quy chuẩn so sánh : QCVN 19:2009/BTNMT (B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Áp dụng hệ số  $K_p=1,0$  do  $P \leq 20.000m^3/h$ ,  $K_v=1,0$  (Phân vùng, khu vực loại 3));

**3. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:**

Không có

**4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm**

*Bảng 12: Kinh phí thực hiện bảo vệ môi trường hằng năm*

<b>STT</b>	<b>Nội dung thực hiện</b>	<b>Kinh phí (vnd)</b>
1	Giám sát môi trường định kỳ	20.000.000
2	Chi phí xử lý nước thải	100.000.000
3	Chi phí thuê xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp	80.000.000
4	Chăm sóc cây xanh	20.000.000
	<b>Tổng</b>	<b>220.000.000</b>

## **CHƯƠNG VII**

### **KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Năm 2022, Công ty TNHH DongYang ST Vina được Phòng cảnh sát môi trường - Công an tỉnh Nam Định kiểm tra 1 lần và không có xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

Năm 2023, Công ty TNHH DongYang ST Vina được Phòng cảnh sát môi trường - Công an tỉnh Nam Định kiểm tra 1 lần và không có xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

Năm 2023: Ban quản lý các khu công nghiệp làm việc với công ty TNHH DongYang ST Vina về lĩnh vực môi trường vào ngày 23/5/2023.

Năm 2024: Ban quản lý các khu công nghiệp làm việc với công ty TNHH DongYang ST Vina về lĩnh vực môi trường vào ngày 23/5/2024.

Qua các đợt kiểm tra, các cơ quan chức năng đã chỉ ra các tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường để Công ty khắc phục để thực hiện tốt hơn các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường .

## CHƯƠNG VIII

### CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty xin cam kết các nội dung sau:

- Cam kết thực hiện các quy định hiện hành của Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở: Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, các Luật và văn bản dưới luật có liên quan.

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường bao gồm:

+ Cam kết xử lý nước thải đạt QCVN 13-MT:2015/BTNMT (B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm.

+ Cam kết xử lý khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Cam kết thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại theo đúng theo quy định hiện hành.

- Các cam kết khác:

+ Thực hiện các biện pháp an toàn lao động và phòng chống sự cố môi trường.

+ Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp có sự cố, rủi ro về môi trường.

## PHỤ LỤC